

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2020/DS-ST

Ngày: 11 - 12 - 2020.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2020/TLST/DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp BT, xã BL, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1947, vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Văn Đ1, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Ấp BC, xã BL, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông có bán vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu cho cha con ông C và ông Đ1, tổng số tiền là 241.815.000 đồng. Ngày 25/3/2020 thì ông Đ1 đến nhà ông trả 41.815.000 đồng còn thiếu lại ông số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 25/3/2020 thì ông C làm biên nhận nợ số tiền còn thiếu là 200.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 2%/tháng, thời hạn để thanh toán tiền không quá 06 tháng. Ngày 25/3/2020 ông Đ1 có ký nhận vào sổ theo dõi nợ gốc của ông là còn nợ ông số tiền 200.000.000 đồng. Chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận nợ ngày 25/3/2020 là do ông C tự ký, viết tên và lãn

tay. Chữ ký trong tờ giấy “Nợ còn tổng cộng 200.000.000 đồng ngày 25/3/2020” do ông Đ1 ký tên và viết tên. Từ khi làm biên nhận nợ ngày 25/3/2020 đến nay thì ông C và ông Đ1 không trả tiền nợ gốc cũng không đóng lãi được lần nào. Ông có đến đòi nhiều lần nhưng ông C và ông Đ1 không thanh toán vốn và lãi.

Nay ông yêu cầu ông C và ông Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25/3/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn Đ1 đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông C và ông Đ1 thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông C và ông Đ1 vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông C và ông Đ1.

Tại phiên tòa:

Ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông C và Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25/3/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án..

Bị đơn ông C và ông Đ1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn ông C và ông Đ1 có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông C và ông Đ1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, ông Đ1 là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ thấy rằng: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 25/3/2020 do phía ông Đ xuất trình (ông C và ông Đ1 không có ý kiến đối với biên nhận nợ này) có cơ sở xác định giữa ông Đ và ông C có xác lập hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và đến ngày 25/3/2020 giữa hai bên xác định số nợ mua bán còn thiếu là 200.000.000 đồng. Hợp đồng mua bán này của ông Đ và ông C, là những người có đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại điều 430 Bộ Luật Dân sự 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng các nghĩa vụ mình đã giao kết. Xét thấy, ông C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền mua tài sản và tiền lãi do chậm thanh toán theo thỏa thuận nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền mua phân bón thuốc trừ sâu và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 440

của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông C phải có trách nhiệm trả cho ông Đ 200.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 25/3/2020 đến ngày xét xử. Thấy rằng, theo đơn khởi kiện thì ông Đ yêu cầu tính lãi với số tiền cụ thể là 15.341.000 đồng, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 22/9/2020 và tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết vụ án. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này của ông là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định của pháp luật là thời điểm thanh toán được tính là thời điểm xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông, thời điểm tính lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay.

Đối với yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật: Tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 20%/năm. Trong tờ biên nhận nợ ngày 25/3/2020 thể hiện ông Đ và ông C thỏa thuận lãi chậm trả là 2%/tháng, tương đương 24%/năm là cao so với quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật là 20%/năm tương đương 1,667%/tháng. Do đó số tiền lãi ông C phải thanh toán cho ông Đ là:

$$200.000.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/\text{tháng} \times 8,5 \text{ tháng} = 28.339.000 \text{ đồng}$$

Đối với yêu cầu ông Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Đ. Thấy rằng, theo thừa nhận của ông Đ thì người trực tiếp mua bán với ông là ông C, theo biên nhận nợ thì ông C là người nợ của ông Đ. Do đó, không có cơ sở ông Đ1 là người mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Đ, nên ông Đ1 không có nghĩa vụ liên đới trả số nợ này cùng với ông C. Nên việc ông Đ yêu cầu ông Đ1 liên đới trả nợ cho ông C là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án đã áp dụng tại quyết định số 15 ngày 20/8/2020 cần tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án, tuy nhiên quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

[2.3] Về án phí:

- Do ông Ông C vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông C phải chịu tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 11.416.000 đồng.

- Ông Võ Văn Đ được nhận lại toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

- Buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông Võ Văn Đ số tiền số tiền **228.339.000 đồng** (trong đó, vốn gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 28.339.000 đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu ông Đ1 phải liên đới trả nợ với ông C.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản số 15/2020/QĐ-BPKCTT ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu phú. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 11.416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn Đ được nhận lại 5.384.000 (Năm triệu ba trăm tám mươi tư ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003550 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Ông Võ Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Đ1 và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Vũ

